| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S**<br>**TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2023/DS - ST
Ngày 22/03/2023
*"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH LÀO CAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Đức Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Vũ Minh Huấn.

2. Ông Đỗ Trọng Bằng.

***Thư ký phiên toà***: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Ngày 22/03/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLST - DS ngày 17/10/2022về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXX - ST ngày 16/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Quỳnh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: số nhà 36, phố N, khu 2, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Quỳnh T: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà 356, đường H, tổ 14, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên Tòa.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 2, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Do quen biết nhau ngày 27/01/2022 bà Nguyễn Quỳnh T cho bà Trịnh Thị H vay số tiền 2.270.000.000VNĐ, khi vay hai bên có giao kết Hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng công chứng S địa chỉ số 017, phố H, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Thời hạn vay là 30 này kể từ ngày Hợp đồng vay tài sản được công chứng. Như vậy thời hạn vay tính từ ngày 27/01/2022 cho đến ngày 27/02/2022 với lãi suất 2 bên thỏa thuận theo lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay. Hết thời hạn vay bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T theo thỏa thuận, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng từ đó đến nay bà H chưa trả cho bà T khoản tiền vay nào. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị

xã Sa Pa buộc bà Trịnh Thị H phải trả cho bà T số tiền gốc đã vay còn nợ là 2.270.000.000VNĐ *(Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng)* không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi.

**Bị đơn bà Trịnh Thị H:** Trong bản tự khai đề ngày 02/2/2023 và biên bản hòa giải ngày 03/2/2023 bà H đều trình bày: Do quen biết nhau từ lâu, nên bà đã nhiều lần vay tiền của bà T, với mức lãi suất bà T cho vay thấp nhất là 2.000đồng/triệu/ngày và cao nhất là 4.000đồng/triệu/ngày và số tiền 2.270.000.000VNĐ cũng được thỏa thuận ngoài với mức lãi suất là 2.000đồng/triệu/ngày, không phải lãi xuất như trong hợp đồng vay tài sản được chứng thực lập ngày 27/01/2022 tại Văn phòng công chứng S, địa chỉ số 017, phố H, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Về mục đích vay tiền thì số tiền 2.270.000.000VNĐ bà vay của bà T để trả cho bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1985, địa chỉ tại đường V, tổ 7, phường S, thị xã S, không phải trả cho bà Th ở M như bà T trình bày và số tiền trên hai bên thỏa thuận bà T chuyển thẳng vào tài khoản của bà Trần Thị Thu H. Sau đó bà Trịnh Thị H đã trả tiền lãi tháng thứ nhất cho bà T theo thỏa thuận. Do làm ăn thua lỗ, nên từ đó đến nay bà H chưa trả cho bà T khoản tiền nào khác.

Nay bà Nguyễn Quỳnh T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà phải trả cho bà T số tiền gốc đã vay là 2.270.000.000VNĐ *(Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng)* bà H xác nhân có nợ bà T số tiền trên, do hiện nay không có khả năng trả nợ, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2. Nên hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mối quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn: Bà Nguyễn Quỳnh T và bị đơn: Bà Trịnh Thị H được giao kết ngày 27/01/2022. Đến ngày 05/10/2022 nguyên đơn khởi kiện. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 đối với tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm, nên tranh chấp hợp đồng trên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Trịnh Thị H cư trú tại: Tổ 2, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Do vậy Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Qua 2 lần tống đạt hợp lệ bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Quỳnh T và bà Trịnh Thị H xác lập ngày 27/01/2022, được giao kết hoàn toàn tự nguyện, khi ký kết hai bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và được lập tại văn phòng Công chứng S, địa chỉ 017, phố H, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Do vậy hợp đồng trên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 119, Điều 398, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Nên có hiệu lực pháp luật.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Quỳnh T yêu cầu bà Trịnh Thị H phải trả số tiền 2.270.000.000đ *(Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng)* thấy rằng: Do hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Quỳnh T và bà Trịnh Thị H xác lập ngày 27/01/2022 có hiệu lực pháp luật. Mặc dù bà H cho rằng bà không trực tiếp nhận số tiền 2.270.000.000đ *(Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng)* từ bà T, nhưng hai người đã thỏa thuận bà T chuyển tiền cho bà Trần Thị Thu H, để trả nợ khoản tiền bà Trịnh Thị H vay của bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Thu H xác nhận đã được nhận số tiền 2.270.000.000đ *(Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng)* do bà T chuyển cho bà và tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 02/02/2023 bà Trịnh Thị H đã xác nhận hiện còn nợ bà T số tiền 2.270.000.000đ gốc. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh T là có căn cứ, được chấp nhận. Cần phải buộc bị đơn bà Trịnh Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh T số tiền 2.270.000.000đ *(Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng)*.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu câu của nguyên đơn được chấp nhân, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

*Từ những nhận định trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 147, điểm b, đ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sư năm 2015; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Quỳnh T.

2. Buộc bà Trịnh Thị H phải trả cho bà Nguyễn Quỳnh T số tiền đã vay là 2.270.000.000đ *(Hai tỷ hai trăm bảy mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 77.400.000 đồng *(Bẩy mươi bẩy triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Bà Nguyễn Quỳnh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Quỳnh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 38.700.000 đồng *(Ba mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005038 ngày 14/10/2022 của chi cục thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Lào Cai.

4. Quyền Kháng Cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; TX*
- *Các đương sự ;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, TA, VP.*

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ngô Đức Quang**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Minh Huấn** **Đỗ Trọng Bằng** **Ngô Đức Quang**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; TX*
- *Các đương sự ;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, TA, VP.*

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ngô Đức Quang**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Sùng A Cở** **Chảo Láo Lủ** **Ngô Đức Quang**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh; TX*
- *Các đương sự ;*
- *THADS;*
- *Lưu HS, TA, VP.*

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Ngô Đức Quang**